

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÀO CAI



QUY ĐỊNH
KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU NĂNG LỰC
NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG
NGÀNH/NGHỀ: DIỄN VIÊN MÚA
MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6210213

Lào Cai, năm 2026

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

NGÀNH/NGHỀ: DIỄN VIÊN MÚA

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6210213

1. Giới thiệu chung về ngành/ngành

Diễn viên múa trình độ cao đẳng là ngành, nghề mà người học được học tập, nghiên cứu và thực hành các dòng múa như cổ điển châu Âu, dân gian dân tộc Việt Nam, đương đại, đáp ứng yêu cầu trình độ bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Các dòng múa nêu trên là những dòng múa được sử dụng trong các tác phẩm múa chuyên nghiệp và không chuyên tại các nhà hát và các đơn vị nghệ thuật, có đặc tính, vị trí khác nhau về mọi mặt trong trình diễn nghệ thuật múa. Người học có thể làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, thực hiện các công việc: lập kế hoạch biểu diễn, thực hành các tác phẩm múa; luyện tập kỹ thuật cá nhân; thực hành biểu diễn múa (với các hình thức múa khác như múa đơn, múa đôi, múa tập thể...); thực hiện biểu diễn theo yêu cầu của biên đạo, tapsc phẩm; nghiên cứu xu hướng phát triển của nghệ thuật múa để phát triển kiến thức cho ngành nghề.

Người học sau khi tốt nghiệp ngành diễn viên múa trình độ cao đẳng có thể làm việc tại các nhà hát, đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, đảm nhiệm về văn hóa văn nghệ tại các trung tâm văn hóa, các đơn vị, sự nghiệp... và tiếp tục học ở trình độ cao hơn. Có thể biểu diễn ở các chương trình ca múa nhạc tổng hợp, chương trình truyền hình; các chương trình lễ hội, festival múa trong nước và quốc tế; các chương trình biểu diễn phục vụ chính trị, tiếp đón khách quốc tế của địa phương, Nhà nước, các chương trình tư nhân đầu tư theo đơn đặt hàng.

2. Yêu cầu chung của ngành/ngành

Khi học nghề Diễn viên múa trình độ cao đẳng, người học cần đạt được một số kiến thức và kỹ năng sau:

a) Kiến thức

- Xác định được vị trí, vai trò của nghệ sỹ múa tham gia trong các chương trình nghệ thuật; các yếu tố cơ bản về pháp luật của Nhà nước, nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, quy định về bản quyền, sở hữu trí tuệ; các kiến thức, kỹ thuật chuyên ngành để luyện tập, biểu diễn được tác phẩm múa theo yêu cầu đề ra;

- Liệt kê được các loại trang thiết bị, công cụ hỗ trợ chuyên dụng trong thực hành và biểu diễn nghệ thuật múa và giải thích công dụng của chúng;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa Việt Nam và thế giới; các kiến thức về tác phẩm múa, lịch sử múa, lý thuyết âm nhạc, ký xướng âm; kiến thức về công nghệ thông tin, phương pháp khai thác các phần mềm, ứng dụng phục vụ cho ngành, nghề; kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

- Mô tả được cách thực hiện các kỹ thuật, kỹ xảo biểu diễn cơ bản của các dòng múa dân gian dân tộc, múa cổ điển Châu Âu, múa đương đại, biểu diễn tác phẩm múa tập thể, biểu diễn múa ít người, biểu diễn múa tổng hợp; phương pháp đảm bảo an toàn cho người và dụng cụ, thiết bị khi biểu diễn.

b) Kỹ năng

- Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản; ngoại ngữ cơ bản tương đương bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam;

- Sử dụng thành thạo các trang thiết bị hỗ trợ luyện tập và biểu diễn múa, khai thác các ứng dụng công nghệ truyền thông, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị dụng cụ biểu diễn;

- Phân loại được các dòng múa khi tham gia luyện tập và biểu diễn;

- Vận dụng linh hoạt, phù hợp các kỹ năng mềm như: kỹ năng thuyết trình, đàm phán, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đồng sáng tạo... vào quá trình làm việc một cách hiệu quả;

- Trình diễn được các động tác, tổ hợp múa thuộc các dòng múa dân gian dân tộc, múa cổ điển Châu Âu, múa đương đại và biểu diễn được tác phẩm múa theo các hình thức múa tập thể, múa ít người, múa tổng hợp.

c) Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật, phương pháp làm việc khoa học, tác phong chuyên nghiệp.

- Giao tiếp lịch sự, văn minh thanh lịch với công chúng, khán giả, đồng nghiệp và nhà tuyển dụng lao động;

- Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, tiếp thu và học hỏi có chọn lọc, sáng tạo trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật; có tình yêu với nghệ thuật múa.

- Có tinh thần phối hợp với các nghệ sỹ thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của cá nhân trước biên đạo múa, chỉ huy đêm diễn, tổng đạo diễn chương trình, lãnh đạo đơn vị;

- Chủ động đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của cá nhân

và các nghệ sỹ khác.

3. Các năng lực của ngành/ngề

TT	Mã năng lực	Năng lực	Số giờ/tín chỉ
	I	Năng lực chung, cơ bản	
1	NLCB-01	Có đủ sức khỏe, nhận thức và tuân thủ đúng, đầy đủ về chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh, văn hoá, giao tiếp, ứng xử; có khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong bối cảnh thay đổi.	300 giờ/17 tín chỉ
2	NLCB-02	Có năng lực Tiếng Anh tương đương bậc 2 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; khả năng ứng dụng hiệu quả CNTT phục vụ công việc và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành.	195 giờ/7 tín chỉ
3	NLCB-03	Có kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc	60 giờ/4 tín chỉ
4	NLCB-04	Xướng âm, ghi âm giọng không dấu hóa	60 giờ/2 tín chỉ
5	NLCB-05	Có kiến thức về lý luận và lịch sử múa, phân tích được cấu trúc của tác phẩm múa.	105 giờ/7 tín chỉ
	II	Năng lực cốt lõi	
1	NLCL-01	Biểu diễn múa cổ điển châu Âu	660 giờ/28 tín chỉ
2	NLCL-02	Biểu diễn múa dân gian dân tộc Việt Nam	660 giờ/28 tín chỉ
3	NLCL-03	Biểu diễn múa đương đại	60 giờ/2 tín chỉ
4	NLCL-04	Biểu diễn tác phẩm múa tập thể, múa ít người.	120 giờ/4 tín chỉ
5	NLCL-05	Dàn dựng chương trình nghệ thuật	60 giờ/2 tín chỉ
6	NLCL-06	Hội nhập vào môi trường lao động	495 giờ/11 tín chỉ
	III	Năng lực tự chọn, nâng cao	
1	NLNC-01	Biểu diễn tác phẩm múa tổng hợp	60 giờ/2 tín chỉ

TT	Mã năng lực	Năng lực	Số giờ/tín chỉ
2	NLNC-02	Biểu diễn múa truyền thống	60 giờ/2 tín chỉ
3	NLNC-03	Khiêu vũ một số vũ điệu phương Tây	60 giờ/2 tín chỉ

4. Khối lượng kiến thức tối thiểu của ngành/ngành (giờ, tín chỉ):
2.835/111 tín chỉ.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỪNG
NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

NGÀNH/NGHỀ: DIỄN VIÊN MÚA

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6210213

1. Tên năng lực: Có đủ sức khỏe, nhận thức và tuân thủ đúng, đầy đủ về chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh, văn hoá, giao tiếp, ứng xử; có khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong bối cảnh thay đổi.

- Mã: NLCB-01

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 300 giờ/17 tín chỉ

Năng lực gồm 05 tiểu năng lực

1.1. Tên năng lực: Vận dụng kiến thức về chính trị, nhận thức và vận dụng đường lối Văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam vào công việc

- Mã: NLCB-01.01

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

Trình bày được một số nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

b) Về kỹ năng:

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào việc giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

1.2. Tên năng lực: Vận dụng kiến thức pháp luật vào công việc

- Mã: NLCB-01.02

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 30 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

b) Về kỹ năng:

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

1.3. Tên năng lực: Thực hành rèn luyện sức khỏe

- Mã: NLCB-01.03

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

b) Về kỹ năng:

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể thao được học

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và rèn luyện thể dục thể thao hằng ngày để góp phần đảm bảo sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác

1.4. Tên năng lực: Vận dụng kiến thức về chính trị, an ninh quốc phòng vào công việc

- Mã: NLCB-01.04

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 75 giờ/3 tín chỉ

a) Về kiến thức:

Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”,

bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

b) Về kỹ năng:

Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

1.5. Tên năng lực: Vận dụng kỹ năng tiếp, kỹ năng mềm trong công việc

- **Mã:** NLCB-01.05

- **Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ):** 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

Trình bày được các kiến thức cơ bản về: Giao tiếp hiệu quả; thuyết trình hiệu quả; làm việc nhóm; lập và thực hiện kế hoạch; tự học và phát triển; tìm

kiểm việc làm.

b) Về kỹ năng:

- Thực hiện được các cuộc giao tiếp hiệu quả trong các tình huống, bối cảnh nghề nghiệp cụ thể;
- Thuyết trình hiệu quả một vấn đề/ nội dung cho các nhóm đối tượng trong hoạt động nghề nghiệp;
- Thực hiện được các công việc có liên quan trong làm việc nhóm, tập thể có hiệu quả; tự học và phát triển; tìm kiếm việc làm;
- Lập và thực hiện được kế hoạch cho một nội dung, hoạt động cụ thể của cá nhân/ hoạt động nghề nghiệp.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức tự điều chỉnh, kiểm soát suy nghĩ, cảm xúc và hành động của bản thân; Độc lập trong đặt ra mục tiêu, lập kế hoạch, có ý chí thực hiện kế hoạch;
- Hình thành ý thức, tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học, sáng tạo có mục tiêu, có kế hoạch.

2. Tên năng lực: Có năng lực Tiếng Anh tương đương bậc ... trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; khả năng ứng dụng hiệu quả CNTT phục vụ công việc và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo qui định hiện hành.

- Mã: NLCB-02

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 195 giờ/7 tín chỉ

Năng lực gồm 02 tiểu năng lực

2.1. Tên năng lực Sử dụng tin học ở mức độ cơ bản

- Mã: NLCB-02.01

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 75 giờ/4 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.
- Trình bày được các khái niệm về Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số và kiến thức cơ bản về Trí tuệ nhân tạo (AI).

b) Về kỹ năng:

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;
- Sử dụng trình duyệt, email, công cụ tìm kiếm, dịch vụ hành chính công, ngân hàng điện tử và các phần mềm AI hỗ trợ.
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;
- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- + Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.
- + Có ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn dữ liệu và chịu trách nhiệm về hành vi của mình trên không gian số.

2.2. Tên năng lực: Nghe, nói, đọc, viết tiếng anh cơ bản

- Mã: NLCB-02.02

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 120 giờ/4 tín chỉ

a) Về kiến thức:

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

b) Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

- Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

- Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

- Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

3. Tên năng lực: Có kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc

- Mã: NLCB-03

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/4 tín chỉ

a) Về kiến thức:

+ Trình bày được các khái niệm về âm nhạc như sự hoá, hợp âm, tiết nhịp, giọng, điệu thức.

+ Nêu được giá trị trường độ các nốt nhạc.

+ Kể tên và cách sử dụng một số kí hiệu âm nhạc.

+ Trình bày được đặc điểm của các điệu thức thường dùng.

+ Trình bày được đặc điểm âm nhạc dân gian Việt Nam.

b) Về kỹ năng:

+ Chép được bản nhạc.

+ Thực hành được một số nhóm tiết tấu cơ bản.

+ Thực hành gõ một số nhóm tiết tấu cơ bản.

+ So sánh được sự khác nhau giữa điệu thức trưởng và thứ.

+ Xác định được số phách trong ô nhịp của một bản nhạc bất kỳ

+ Xác định được số phách mạnh, phách nhẹ trong các loại nhịp.

+ Xác định được dấu hoá theo khoá của giọng.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, khoa học; có trách nhiệm trong việc sử dụng kiến thức đúng chuẩn mực chuyên môn, làm nền tảng cho các hoạt động nghệ thuật múa.

4. Tên năng lực: Xướng âm, ghi âm giọng từ không dấu hóa

- Mã: NLCB-04

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

+ Trình bày được đặc điểm, giọng đô trưởng, La thứ

+ Phân biệt được tính chất giọng đô trưởng, La thứ

+ Trình bày được các độ gam đô trưởng, La thứ.

+ Liệt kê được các gam năm âm.

b) Về kỹ năng:

+ Thực hành gõ tiết tấu được các nhóm tiết tấu cơ bản.

+ Đọc đúng cao độ gam rải giọng đô trưởng, la thứ.

+ Đọc nhạc đúng cao độ, nhịp phách một số bản nhạc trong bài.

+ Nghe và phân biệt được giọng trưởng, giọng thứ.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.
- Có khả năng tự luyện tập phát âm, xướng âm và kiểm soát giọng nói một cách độc lập; biết tự đánh giá và chỉnh sửa kỹ thuật xướng âm của bản thân để nâng cao hiệu quả biểu diễn và truyền đạt âm nhạc. Ứng dụng vào tập luyện và biểu diễn múa.

5. Tên năng lực: Có kiến thức về lý luận và lịch sử múa, phân tích được cấu trúc của tác phẩm múa.

- Mã: NLCB-05

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 105 giờ/7 tín chỉ

Năng lực gồm 02 tiêu năng lực

5.1. Tên năng lực: Có kiến thức về lý luận và lịch sử múa

- Mã: NLCB-05.01

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ/3 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- Trình bày được nguồn gốc xuất xứ của Múa Cổ điển Châu Âu và múa dân gian Việt Nam

- Trình bày được cái khái niệm và các thuật ngữ trong nghệ thuật múa.

b) Về kỹ năng:

- So sánh được mối tương quan giữa diễn viên múa với tác phẩm múa và huấn luyện múa, biên đạo múa.

- Vận dụng kiến thức lý luận lịch sử múa trong biểu diễn và sáng tạo tác phẩm múa.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện được ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc;
- Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm;
- Hình thành tình yêu nghề múa.

5.2. Tên năng lực: Phân tích được cấu trúc của tác phẩm múa

- Mã: NLCB-05.02

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/4 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- Trình bày được hình thức, thể loại, tính chất của tác phẩm múa;

- Mô tả được cấu trúc của tác phẩm múa;
- Trình bày được nội dung và ý nghĩa của tác phẩm múa.

b) Về kỹ năng:

- Phân tích được các tác phẩm múa bằng thuyết trình hoặc viết.
- Vận dụng kiến thức phân tích tác phẩm múa trong biểu diễn và sáng tạo tác phẩm múa.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm. Hình thành tình yêu nghề nghiệp.

6. Tên năng lực: Biểu diễn múa cổ điển châu Âu

- Mã: NLCL-01

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 660 giờ/28 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- Nêu được ý nghĩa của các động tác múa Cổ điển Châu Âu hai tay vịn giống, giữa sàn và nhảy;
- Trình bày được tính chất của các động tác múa Cổ điển Châu Âu hai tay vịn giống, giữa sàn và nhảy;
- Mô tả được luật động của các động tác múa Cổ điển Châu Âu hai tay vịn giống, giữa sàn và nhảy.

b) Về kỹ năng:

- Thực hiện thuần thục các động tác múa Cổ điển Châu Âu hai tay vịn giống, giữa sàn và nhảy;
- Vận dụng thực hiện được các tổ hợp múa Cổ điển Châu Âu hai tay vịn giống, giữa sàn và nhảy.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm; có ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp;
- Hình thành được tình yêu, đam mê, nhiệt huyết với nghề múa.

7. Tên năng lực: Biểu diễn múa dân gian dân tộc Việt Nam

- Mã: NLCL-02

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 660 giờ/28 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- Nêu được ý nghĩa của các động tác dân gian múa của 17 dân tộc Việt Nam;

- Trình bày được tính chất của các động tác dân gian múa của 17 dân tộc Việt Nam;

- Mô tả được luật động của các động tác dân gian múa của 17 dân tộc Việt Nam.

b) Về kỹ năng:

- Thực hiện thuần thục các động tác dân gian múa của 17 dân tộc Việt Nam;
- Vận dụng thực hiện được các tổ hợp múa dân gian của 17 dân tộc Việt Nam.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm; có ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp;
- Hình thành được tình yêu, đam mê, nhiệt huyết với nghề múa.

8. Tên năng lực: Biểu diễn múa đương đại

- Mã: NLCL-03

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- Trình bày được luật động trong múa đương đại.
- Trình bày được quá trình thực hiện các động tác múa đương đại
- Mô tả được đặc điểm và dáng nét cơ bản của múa đương đại.

b) Về kỹ năng:

- Thực hiện được các động tác múa đương đại.
- Vận dụng thực hiện tác phẩm múa đương đại, dân gian đương đại.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm; có ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp;
- Hình thành được tình yêu, đam mê, nhiệt huyết với nghề múa.

9. Tên năng lực: Biểu diễn tác phẩm múa tập thể, múa ít người

- Mã: NLCL-04

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 120 giờ/4 tín chỉ

Năng lực có 2 tiêu năng lực

9.1. Tên năng lực: Biểu diễn tác phẩm múa tập thể

- Mã: NLCL-04.01

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- + Mô tả được cấu trúc của tác phẩm múa tập thể.
- + Trình bày được nội dung, ý nghĩa 3 tác phẩm múa tập thể sáng tác trên nền chất liệu múa dân tộc Kinh, dân tộc Mông, dân tộc Tày.

b) Về kỹ năng:

- + Biểu diễn được 3 tác phẩm múa tập thể sáng tác trên nền chất liệu múa dân tộc Kinh, dân tộc Mông, dân tộc Tày.
- + Vận dụng biểu diễn được các tác phẩm múa tập thể khác do biên đạo sáng tác theo chương trình nghệ thuật cụ thể.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Thể hiện được ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc;
- + Thể hiện được năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm và sáng tạo;
- + Hình thành tình yêu nghề múa.

9.2. Tên năng lực: Biểu diễn tác phẩm múa ít người

- Mã: NLCL-04.02

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- + Mô tả được cấu trúc của tác phẩm múa ít người.
- + Trình bày được nội dung, ý nghĩa 3 tác phẩm múa ít người được sáng tác dựa trên chất liệu múa các dân tộc Kinh, Mông, Khơ Mú.

b) Về kỹ năng:

- + Biểu diễn được 3 tác phẩm múa ít người được sáng tác dựa trên chất liệu múa các dân tộc Kinh, Mông, Khơ Mú.
- + Vận dụng biểu diễn được các tác phẩm múa ít người do biên đạo sáng tác theo chương trình nghệ thuật cụ thể.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Thể hiện được ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc;
- + Thể hiện được năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm và sáng tạo;
- + Hình thành tình yêu nghề múa.

10. Tên năng lực: Dàn dựng chương trình nghệ thuật

- Mã: NLCL-05

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- + Trình bày được các dạng chương trình nghệ thuật.
- + Trình bày được các nguyên tắc chung về xây dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp.
- + Liệt kê được các yếu tố, nội dung chính của kế hoạch tổ chức dàn dựng chương trình nghệ thuật
- + Mô tả được cách hướng dẫn các tiết mục biểu diễn.
- + Trình bày được phương pháp tổ chức thực hiện kế hoạch, phương pháp đánh giá.

b) Về kỹ năng:

- + Xây dựng được kế hoạch tổ chức chương trình nghệ thuật.
- + Dàn dựng được chương trình nghệ thuật có quy mô nhỏ theo chủ đề.
- + Hướng dẫn được các tiết mục biểu diễn.
- + Lựa chọn được cá nhân có năng lực phù hợp thực hiện chương trình.
- + Theo dõi, giám sát, điều chỉnh được nội dung trong quá trình thực hiện.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chủ động luyện tập ngoài giờ, có ý thức tham gia các hoạt động biểu diễn nghệ thuật của trường, lớp, các tổ chức đoàn thể. Năng lực độc lập và làm việc nhóm.

11. Tên năng lực: Hội nhập vào môi trường lao động

Mã: NLCL-06

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 495 giờ/11 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- Liệt kê được cơ cấu tổ chức của cơ sở, chức năng của các bộ phận; liệt kê được các bước trong xây dựng, tổ chức chương trình nghệ thuật tại cơ sở.
- Phân tích được vai trò, trách nhiệm của diễn viên trong tổ chức cơ sở.
- Nêu được phương pháp hình thức tổ chức tập luyện, biểu diễn.

b) Về kỹ năng:

- Ứng dụng được kiến thức, kỹ năng đã học khi tham gia tập luyện, biểu diễn chương trình nghệ thuật.

- Thực hiện đúng yêu cầu của người biên đạo, tổng đạo diễn, chỉ huy đêm diễn.

- Lựa chọn trang phục phù hợp; trang điểm và phong cách phù hợp tiết mục.

12. Tên năng lực: Biểu diễn tác phẩm múa tổng hợp

- Mã: NLNC-01

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

+ Mô tả được cấu trúc của tác phẩm múa tổng hợp.

+ Trình bày được nội dung, ý nghĩa tác phẩm múa tổng hợp gồm 03 tác phẩm sáng tác dựa trên sự kết hợp ngôn ngữ múa cổ điển Châu Âu, múa dân gian dân tộc Việt Nam và múa đương đại.

b) Về kỹ năng:

+ Biểu diễn được 03 tác phẩm sáng tác dựa trên sự kết hợp ngôn ngữ múa cổ điển Châu Âu, múa dân gian dân tộc Việt Nam và múa đương đại.

+ Vận dụng biểu diễn được các tác phẩm múa tổng hợp khác do biên đạo sáng tác theo chương trình nghệ thuật cụ thể.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Thể hiện được ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc;

+ Thể hiện được năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm, có khả năng sáng tạo;

+ Hình thành tình yêu nghề múa.

13. Tên năng lực: Biểu diễn múa truyền thống

- Mã: NLNC-02

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

Trình bày được phong cách múa truyền thống, những tư thế đáng nét, luật động chuyển động cơ bản trong múa truyền thống.

b) Về kỹ năng:

Thực hiện được kỹ thuật kỹ xảo đặc trưng độc đáo của múa truyền thống. Vận dụng vào thực hiện biểu diễn tác phẩm múa.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Thể hiện được ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc;

+ Thể hiện được năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm, có khả năng sáng tạo;

+ Hình thành tình yêu nghề múa.

14. Tên năng lực: Khiêu vũ một số vũ điệu phương Tây

- Mã: NLNC-03

- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ/2 tín chỉ

a) Về kiến thức:

- + Trình bày được nguồn gốc điệu Valse;
- + Trình bày được đặc điểm tính chất điệu Valse;
- + Trình bày được cách thực hiện điệu Valse;
- + Trình bày được nguồn gốc các điệu La tinh;
- + Trình bày được tính chất đặc điểm các điệu La tinh;
- + Trình bày được cách thực hiện các điệu La tinh phổ biến;
- + Trình bày được tính chất nhảy phong cách Pop;
- + Trình bày được sự phát triển và cách thực hiện nhảy phong cách Pop.

b) Về kỹ năng:

- + Trình diễn được bước cơ bản của điệu nhảy Valse nhanh, Valse chậm.
- + Trình diễn được các bước cơ bản của điệu Cha cha cha, Jive, Samba, Rumba, Paso Doble
- + Trình diễn được một số bước cơ bản nhảy phong cách Pop.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Thể hiện được ý thức, thái độ làm việc nghiêm túc;
- + Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm.